

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **3818** /QĐ-UBND

Hải Phòng, ngày **17** tháng **9** năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường kết nối từ cầu Rào 3 đến tuyến đường bộ ven biển, đoạn từ đường Bùi Viện đến đường tỉnh 363

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29/11/2024;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 10/12/2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ ngày 29/11/2024;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 206/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 207/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 quy định chi tiết một số điều của Luật xây dựng về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 217/2026/NĐ-CP ngày 19/6/2026 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng; số 165/2024/NĐ-CP ngày 26/12/2024 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ; số 105/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022;

Căn cứ Quyết định số 779/QĐ-UBND ngày 03/3/2026 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường kết nối từ cầu Rào 3 đến tuyến đường bộ ven biển, đoạn từ đường Bùi Viện đến đường tỉnh 363;

Căn cứ Văn bản số 2102/KTQLXD-QLĐT ngày 09/7/2026 của Cục Kinh tế - Quản lý đầu tư xây dựng, Bộ Xây dựng thông báo kết quả thẩm định Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường kết nối từ cầu Rào 3 đến tuyến đường bộ ven biển, đoạn từ đường Bùi Viện đến đường tỉnh 363;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 328/TTr-SXD ngày 11/9/2026, Văn bản số 10482/SXD-KTQLĐTĐTXD ngày 09/9/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường kết nối từ cầu Rào 3 đến tuyến đường bộ ven biển, đoạn từ đường Bùi Viện đến đường tỉnh 363, với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên dự án: Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường kết nối từ cầu Rào 3 đến tuyến đường bộ ven biển, đoạn từ đường Bùi Viện đến đường tỉnh 363.

2. Loại, nhóm dự án; loại, cấp công trình chính của dự án; thời hạn sử dụng của công trình chính theo thiết kế:

- Nhóm dự án: Nhóm B.

- Loại và cấp công trình: Công trình giao thông (*cầu đường bộ*), cấp đặc biệt.

- Thời hạn sử dụng công trình chính theo thiết kế của công trình chính: Thời hạn sử dụng theo tiêu chuẩn thiết kế được áp dụng.

+ Công trình cầu: 100 năm.

+ Kết cấu áo đường mềm: 15 năm.

3. Mã định danh: 3126417353800.

4. Địa điểm xây dựng dự án; điểm đầu, điểm cuối và tóm tắt hướng tuyến công trình, một số điểm khống chế; diện tích sử dụng đất của dự án:

- Địa điểm xây dựng: các phường: An Biên và Hưng Đạo, thành phố Hải Phòng.

- Điểm đầu, điểm cuối và tóm tắt hướng tuyến:

+ Điểm đầu (*Km0+000*): giao với đường Bùi Viện (*khoảng lý trình Km3+150/đường Bùi Viện*), trên địa bàn phường An Biên; Điểm cuối (*Km4+243*): giao với đường tỉnh 363 (*tại lý trình Km1+278/ĐT.363*) trên địa bàn phường Hưng Đạo, thành phố Hải Phòng. Chiều dài toàn tuyến: 4,24km.

+ Hướng tuyến phù hợp với Quy hoạch chung thành phố Hải Phòng đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050 do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 323/QĐ-TTg ngày 30/3/2023; Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 quận Lê Chân được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt tại Quyết định số 1559/QĐ-UBND ngày 23/5/2025 và Đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 quận Dương Kinh được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt tại Quyết định số 1939/QĐ-UBND ngày 20/6/2025 và Hồ sơ Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án đã được Ủy ban nhân dân thành phố thông qua tại Quyết định số 779/QĐ-UBND ngày 03/3/2026.

- Diện tích sử dụng đất: Khoảng 24,37ha.

5. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng.

6. Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông Hải Phòng.

7. Nhà thầu tư vấn khảo sát xây dựng, lập Báo cáo nghiên cứu khả thi: Tổng Công ty Tư vấn thiết kế Giao thông vận tải - CTCP.

8. Mục tiêu dự án:

- Hình thành nên tuyến trục chính đô thị mới đáp ứng kết nối, giảm tải cho đường tỉnh 353 và mạng lưới giao thông trong khu vực.
- Tạo không gian phát triển đô thị, khai thác quỹ đất và đồng thời kết nối thuận lợi giữa các xã, phường: An Biên, Hưng Đạo, Dương Kinh, Kiến Thụy, Kiến Minh, Kiến Hải, ... với khu vực đô thị trung tâm.
- Từng bước hoàn thiện quy hoạch hạ tầng giao thông trong khu vực phường An Biên, Hưng Đạo và thành phố Hải Phòng; thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội và du lịch cũng như đảm bảo an ninh - quốc phòng của địa phương.

9. Quy mô đầu tư xây dựng:

Xây dựng cầu Rào 3 vượt sông Lạch Tray và đường dẫn kết nối đường Bùi Viện, đường tỉnh 363, với quy mô như sau:

- Xây dựng mới cầu Rào 3 vượt sông Lạch Tray có chiều dài cầu $L_{\text{cầu}}=610,8\text{m}$ (trong đó: chiều dài cầu chính là $344,5\text{m}$, chiều dài cầu dẫn hai bên là $266,3\text{m}$), chiều rộng nhịp chính của cầu chính $B_{\text{cầu}}=49,0\text{m}$, chiều rộng nhịp biên của cầu chính thay đổi $B_{\text{cầu}}=38,0\div 45,5\text{m}$, chiều rộng cầu dẫn $B_{\text{cầu}}=38,0\text{m}$ (gồm: tuyến chính với 06 làn xe cơ giới, đường bên với 02 làn xe hỗn hợp; đường bộ hành hai bên). Đường bộ hành hai bên cầu có chiều rộng $2,5\text{m}$ tách riêng với phần xe chạy. Cầu chính có dạng vòm thép chạy giữa, dây treo xiên theo sơ đồ nhịp chính $(72,0+200,0+72,0)\text{m}$, hệ dầm thép mặt cầu liên hợp với bản mặt cầu bê tông cốt thép (BTCT), bệ móng bằng BTCT đặt trên hệ móng cọc khoan nhồi đường kính $D=2,0\text{m}$ (nhịp chính) và $D=1,2\text{m}$ (nhịp biên). Cầu dẫn dạng dầm bản rỗng BTCT DUL và dầm hộp thép liên hợp bản mặt cầu BTCT, bệ móng bằng BTCT đặt trên hệ móng cọc khoan nhồi đường kính $D=1,2\text{m}$. Tải trọng thiết kế cầu HL93, kích thước khoang thông thuyền $B\times H=50,0\times 9,5\text{m}$. Lắp đặt hệ thống chiếu sáng mỹ thuật cầu.

- Xây dựng công hộp BTCT qua kênh Hoà Bình có chiều dài $50,5\text{m}$, khẩu độ $3\times B\times H=3\times (6,0\times 3,2)\text{m}$, móng công đặt trên hệ cọc BTCT đúc sẵn kích thước $40\times 40\text{cm}$.

- Xây dựng đường hai đầu cầu Rào 3 kết nối đường Bùi Viện và đường tỉnh 363 theo tiêu chuẩn đường phố chính đô thị (Tiêu chuẩn thiết kế đường đô thị: QCVN 07:2023/BXD và TCVN 13592:2022 Đường đô thị - Yêu cầu thiết kế), vận tốc thiết kế $V_{\text{tk}}=80\text{km/h}$, với quy mô: chiều dài tuyến $3,63\text{km}$, gồm 06 làn xe cơ giới, 02 làn đường bên và mở rộng kết nối với các tuyến đường trong khu vực, cụ thể:

+ Đoạn 1 (Km0+00÷Km0+310,0): có chiều rộng nền đường $B_{\text{nền}}=56,0\text{m}$.

+ Đoạn 2 (Km0+310÷Km0+349,23): đoạn đầu cầu Rào 3 phía phường An Biên, có chiều rộng nền đường $B_{\text{nền}}=61,5\text{m}$. Đoạn tường chắn, gờ chắn (Km0+349,23 ÷ Km0+501,16) có chiều rộng $B_{\text{tcg}}=38,0\text{m}$.

+ Đoạn 3 (Km1+112,01÷Km1+276,27): đoạn đầu cầu Rào 3 phía phường Hưng Đạo, có chiều rộng nền đường $B_{nền}=70,5m$.

+ Đoạn 4 (Km1+276,27÷Km4+243,0): có chiều rộng nền đường $B_{nền}=50,5m$ (không bao gồm phạm vi nút giao với đường tỉnh 355 thuộc dự án Vành đai 2 đang thi công).

- Xây dựng các nút giao cùng mức với: đường Bùi Viện, đường tỉnh 355, đường tỉnh 363.

- Xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật đồng bộ trên tuyến (gồm: thoát nước, cây xanh, chiếu sáng, an toàn giao thông,...).

10. Số bước thiết kế; danh mục quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng:

- Số bước thiết kế: Thiết kế 03 bước (Thiết kế cơ sở, thiết kế kỹ thuật và thiết kế bản vẽ thi công).

- Danh mục quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng: Theo phụ lục kèm theo.

11. Tổng mức đầu tư xây dựng dự án; giá trị các khoản mục chi phí trong tổng mức đầu tư xây dựng:

Tổng mức đầu tư Dự án: **3.858.841.000.000 đồng** (Bằng chữ: Ba nghìn, tám trăm năm mươi tám tỷ, tám trăm bốn mươi một triệu đồng), trong đó:

- Chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư:	641.955.538.000 đồng
- Chi phí xây dựng, thiết bị:	2.808.724.119.000 đồng
- Chi phí quản lý dự án:	19.756.867.000 đồng
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	97.597.234.000 đồng
- Chi phí khác:	44.877.481.000 đồng
- Chi phí dự phòng:	245.929.761.000 đồng

12. Thời gian thực hiện dự án; Tiến độ thực hiện dự án:

- Thời gian chuẩn bị và thực hiện dự án: Năm 2025 - 2029.

- Tiến độ thực hiện dự án:

+ Giai đoạn chuẩn bị dự án: Năm 2025 - 2026.

+ Giai đoạn thực hiện dự án: Năm 2026 - 2029.

+ Thời gian hoàn thành, nghiệm thu, bàn giao, quyết toán: Năm 2029.

13. Nguồn vốn đầu tư và dự kiến bố trí kế hoạch vốn theo thời gian thực hiện dự án:

- Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách thành phố.

- Dự kiến bố trí kế hoạch vốn theo thời gian thực hiện dự án: Theo kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn 2026-2030 của thành phố bố trí theo tiến độ thực hiện dự án.

14. Hình thức tổ chức quản lý dự án: Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng.

15. Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư: Ủy ban nhân dân các phường: An Biên, Hưng Đạo chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện công tác giải phóng mặt bằng và phương án bố trí tái định cư cho các hộ dân bị thu hồi đất theo quy định của pháp luật, bàn giao mặt bằng để thi công xây dựng công trình đảm bảo tiến độ dự án được phê duyệt.

16. Đơn vị thụ hưởng tài sản:

- Hạng mục kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, cầu Rào 3 và các công trình hạ tầng kỹ thuật (*điện chiếu sáng, chiếu sáng mỹ thuật cầu, thoát nước...*): Sở Xây dựng.

- Hạng mục cây xanh: Ủy ban nhân dân các phường: An Biên và Hưng Đạo theo phạm vi hành chính quản lý.

- Hạng mục hoàn trả kênh mương và các công trình thủy lợi: Sở Nông nghiệp và Môi trường; Ủy ban nhân dân các phường: An Biên và Hưng Đạo.

- Hạng mục di chuyển, hoàn trả công trình điện: Chủ đầu tư phối hợp với Công ty Điện lực Hải Phòng tổ chức thực hiện các thủ tục chuyển giao công trình điện là tài sản công sang Tập đoàn Điện lực Việt Nam quản lý theo quy định của Luật Điện lực năm 2024; Nghị định số 02/2024/NĐ-CP ngày 10/01/2024 của Chính phủ.

(*Chi tiết theo Hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án do Tổng Công ty Tư vấn thiết kế Giao thông vận tải - CTCP lập; Công ty TNHH Tư vấn và Xây dựng Đại học Giao thông vận tải thẩm tra; Cục Kinh tế - Quản lý đầu tư xây dựng - Bộ Xây dựng và Sở Xây dựng thẩm định*).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông Hải Phòng:

- Tổ chức thực hiện các bước tiếp theo theo quy định.

- Quản lý, sử dụng vốn đầu tư đúng mục đích, đảm bảo hiệu quả vốn đầu tư theo quy định.

- Triển khai thực hiện dự án theo đúng các quy định của Nhà nước về quản lý quy hoạch, quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình, quản lý chi phí, quản lý chất lượng công trình xây dựng; Tuân thủ các quy định về thiết kế, giám sát, thi công, nghiệm thu, an toàn lao động, vệ sinh môi trường, phòng chống cháy nổ và các quy định pháp luật hiện hành khác có liên quan; Tổ chức bàn giao các hạng mục công trình cho các cơ quan để quản lý, vận hành, duy tu, bảo dưỡng theo quy định.

2. Giao các Sở, ngành: Xây dựng, Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường, Công Thương và các cơ quan, đơn vị có liên quan kiểm tra, giám sát và hướng dẫn Chủ đầu tư thực hiện theo đúng quy định.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố; Giám đốc các sở: Tài chính, Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường, Công Thương; Giám đốc Kho bạc Nhà nước khu vực III; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các phường: An Biên, Hưng Đạo; Tổng Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông Hải Phòng và Thủ trưởng các Sở, ngành, cơ quan, đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, PCT TT Lê Anh Quân;
- CVP, PCVP Trịnh Nam Hưng;
- Phòng: XD&CT, TC, NN&MT, NV&KTGS;
- Lưu: VT, N.D.Long.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Anh Quân

PHỤ LỤC
DANH MỤC TIÊU CHUẨN, QUY CHUẨN ÁP DỤNG
 (Kèm theo Quyết định số **3818** /QĐ-UBND ngày **17** /**9** /2026
 của Ủy ban nhân dân thành phố)

I. Tiêu chuẩn khảo sát

Stt	Tên tiêu chuẩn, quy chuẩn	Mã hiệu
1.	Khảo sát cho xây dựng - Nguyên tắc cơ bản	TCVN 4419:1987
2.	Công tác trắc địa trong xây dựng công trình - Yêu cầu chung	TCVN 9398:2012
3.	Tiêu chuẩn kỹ thuật đo và xử lý số liệu GNSS trong trắc địa công trình	TCVN 9401:2024
4.	Đường ô tô - Tiêu chuẩn khảo sát	TCCS 31: 2020/TCĐBVN
5.	Tiêu chuẩn khảo sát, thiết kế nền đường ô tô đắp trên nền đất yếu	TCCS 41:2022/TCĐBVN
6.	Quyết định sửa đổi TCCS 41:2022/TCĐBVN “Tiêu chuẩn khảo sát, thiết kế nền đường ô tô trên nền đất yếu”	QĐ 1365/QĐ-CĐBVN ngày 30/11/2022
7.	Quy trình khoan thăm dò địa chất công trình	TCVN 9437:2012
8.	Công trình phòng chống đất sụt trên đường ô tô - Yêu cầu khảo sát và thiết kế	TCVN 13346:2021
9.	Hướng dẫn kỹ thuật công tác khảo sát địa chất công trình cho xây dựng trong vùng Karst	TCVN 9402:2012
10.	Yêu cầu và chỉ dẫn quy trình đánh giá tác động môi trường các dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ	TCCS 46:2022/TCĐBVN
11.	Đất dùng trong xây dựng đường bộ - Phân loại đất	TCVN 14183:2024
12.	Chất lượng đất - Lấy mẫu - Yêu cầu chung	TCVN 7538 - (1-6):2010
13.	Chất lượng đất - Phương pháp xác định độ ẩm và hệ số khô kiệt	TCVN 4048:2011
14.	Chất lượng đất - Xử lý sơ bộ mẫu để phân tích lý - hóa	TCVN 6647:2007 (ISO11464:2006)
15.	Đất xây dựng - Phương pháp phóng xạ xác định độ ẩm và độ chặt của đất tại hiện trường	TCVN 9350 :2012
16.	Đất xây dựng - Phương pháp xác định mô đun biến dạng tại hiện trường bằng tấm nén phẳng	TCVN 9354:2012
17.	Đất xây dựng - Phương pháp lấy, bao gói, vận chuyển và bảo quản mẫu	TCVN 2683:2012
18.	Đất xây dựng - Phương pháp thí nghiệm hiện trường, thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn (SPT)	TCVN 9351 :2012

Stt	Tên tiêu chuẩn, quy chuẩn	Mã hiệu
19.	Đất xây dựng - Phương pháp xác định các chỉ tiêu cơ lý	TCVN 4195:2012
20.	Đất xây dựng - Phương pháp xác định độ ẩm trong phòng thí nghiệm	TCVN 4196:2012
21.	Đất xây dựng - Phương pháp thí nghiệm xuyên tĩnh	TCVN 4197:2012
22.	Đất xây dựng - Phương pháp phân tích thành phần hạt trong phòng thí nghiệm	TCVN 4198:2014
23.	Đất xây dựng - Phương pháp xác định sức chống cắt trên máy cắt phẳng trong phòng thí nghiệm	TCVN 4199:1995
24.	Đất xây dựng - Phương pháp xác định tính nén lún trong phòng thí nghiệm	TCVN 4200:2012
25.	Đất xây dựng - Phương pháp xác định độ chặt tiêu chuẩn trong phòng thí nghiệm	TCVN 4201:2012
26.	Đất xây dựng - Phương pháp xác định khối lượng thể tích trong phòng thí nghiệm	TCVN 4202:2012
27.	Đất xây dựng - Thí nghiệm cắt cánh hiện trường cho đất dính	TCVN 10184:2021
28.	Đất xây dựng - Phương pháp thí nghiệm xuyên tĩnh	TCVN 9352:2012
29.	Đá xây dựng - Phương pháp xác định độ bền nén một trục trong phòng thí nghiệm	TCVN 10324:2014
30.	Tính toán đặc trưng dòng chảy lũ	TCVN 9845:2013
31.	Phân cấp kỹ thuật đường thủy nội địa	01/VBHN-BGTVT ngày 12/01/2022
32.	Quan trắc khí tượng thủy văn - Phần 1 Quan trắc khí tượng bề mặt	TCVN 12636-1:2019
33.	Quan trắc khí tượng thủy văn - Phần 2 - Quan trắc mực nước và nhiệt độ nước sông	TCVN 12636-2:2019
34.	Quan trắc khí tượng thủy văn - Phần 3: Quan trắc hải văn	TCVN 12636-3:2019
35.	Quan trắc khí tượng thủy văn - Phần 7: Quan trắc gió trên cao	TCVN 12636-7:2020
36.	Quan trắc khí tượng thủy văn - Phần 8: Quan trắc lưu lượng nước sông vùng không ảnh hưởng thủy triều	TCVN 12636-8:2020
37.	Quy định kỹ thuật đo đạc trực tiếp địa hình phục vụ thành lập bản đồ địa hình và cơ sở dữ liệu nền đại lý tỷ lệ 1 :500, 1 :1000, 1 :5000	68/2015/TT-BTNMT
38.	Quy trình thí nghiệm xuyên tĩnh có đo áp lực nước lỗ rỗng (CPTu)	TCVN 9846:2013

II. Tiêu chuẩn thiết kế

TT	Tên tiêu chuẩn, quy chuẩn	Mã hiệu
A. Tiêu chuẩn thiết kế đường		
1.	Đường ô tô - Yêu cầu thiết kế	TCVN 4054:2005
2.	Đường đô thị - Yêu cầu thiết kế	TCVN 13592:2022
3.	Áo đường mềm - Các yêu cầu và chỉ dẫn thiết kế	TCCS 38:2022/TCĐBVN
4.	Đường giao thông nông thôn - Tiêu chuẩn thiết kế	TCVN 10380:2014
5.	Gia cố nền đất yếu bằng bác thấm - Yêu cầu thiết kế, thi công và nghiệm thu	TCVN 9355:2013
6.	Gia cố đất nền - Phương pháp trụ đất xi măng	TCVN 9403:2012
7.	Xử lý nền đất yếu bằng phương pháp cố kết hút chân không có màng kín khí trong xây dựng các công trình giao thông - Thi công và nghiệm thu	TCVN 9842:2013
8.	Yêu cầu thiết kế, thi công và nghiệm thu vải địa kỹ thuật trong xây dựng nền đắp trên đất yếu	TCVN 9844:2013
9.	Phân cấp kỹ thuật đường thủy nội địa	TCVN 5664:2009
10.	Tính toán đặc trưng dòng chảy lũ	TCVN 9845:2013
11.	Lớp mặt đường bằng hỗn hợp nhựa nóng - Thi công và nghiệm thu	TCVN 13567:2022
12.	Màng phản quang dùng cho báo hiệu đường bộ	TCVN 7887:2018
13.	Thoát nước - Mạng lưới và công trình bên ngoài Tiêu chuẩn thiết kế	TCVN 7957:2023
14.	Công trình phòng chống đất sụt trên đường ô tô - Yêu cầu khảo sát và thiết kế	TCVN 13346:2021
15.	Lớp mặt đường bê tông nhựa chặt sử dụng nhựa đường thông thường có thêm phụ gia SBS theo phương pháp trộn khô tại trạm trộn - Thi công và nghiệm thu.	TCCS 43:2022
16.	Công trình thủy lợi - cọc xi măng đất thi công theo phương pháp Jet-grouting - yêu cầu thiết kế thi công và nghiệm thu cho xử lý nền đất yếu	TCVN 9906:2014
B. Tiêu chuẩn thiết kế cầu và công trình		
1.	Tiêu chuẩn thiết kế cầu	TCVN 11823:2017
2.	Tải trọng và tác động - Tiêu chuẩn thiết kế	TCVN 2737:2023
3.	Quy trình lập thiết kế tổ chức xây dựng và thiết kế tổ chức thi công	TCVN 4252:2012
4.	Thiết kế công trình chịu động đất	TCVN 9386:2025

TT	Tên tiêu chuẩn, quy chuẩn	Mã hiệu
5.	Cọc bê tông ly tâm ứng lực trước	TCVN 7888:2014
6.	Móng cọc - Tiêu chuẩn thiết kế	TCVN 10304:2014
7.	Kết cấu bê tông cốt thép - Tiêu chuẩn thiết kế	TCVN 5574:2018
8.	Kết cấu thép - Tiêu chuẩn thiết kế	TCVN 5575:2024
9.	Thiết kế công trình phụ trợ trong thi công cầu	TCVN 11815:2017
10.	Công trình thủy lợi - Thí nghiệm mô hình vật lý sông.	TCVN 12196:2018
11.	Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép - yêu cầu chung về thiết kế độ bền lâu và tuổi thọ trong môi trường xâm thực	TCVN 12041:2017
12.	Quy trình hướng dẫn thiết kế va tàu của cầu đường bộ (Guide specification and commentary for vessel collision design of Highway bridges)	AASHTO 2009
13.	Chỉ dẫn thiết kế chống gió cầu đường bộ Trung Quốc (Wind resistant design specification for highway bridges)	JTG/T D60-2014
14.	Tiêu chuẩn thiết kế cầu	AASHTO LRFD 2007 AASHTO LRFD 2014
15.	Khuyến nghị thiết kế, thử nghiệm, lắp đặt cáp dây văng - Mỹ (Recommendation for Stayed Cable Design, Testing and Installation)	PTI DC45.1-18
16.	Từ biến và co ngót	CEB-FIP 2010
C. Tiêu chuẩn thiết kế kết cấu kè bờ sông		
1.	Công trình thủy lợi - nền các công trình thủy công - yêu cầu thiết kế	TCVN 4253:2012
2.	Công trình thủy lợi - thiết kế công trình bảo vệ bờ sông để chống lũ	TCVN 8419:2022
3.	Công trình thủy lợi - Tải trọng và lực tác dụng lên công trình do sóng và tàu	TCVN 8421:2010
4.	Công trình thủy lợi - Yêu cầu thiết kế đê sông	TCVN 9902:2025
D. Tiêu chuẩn thiết kế công trình tiện ích		
1.	Luồng tàu biển - Yêu cầu thiết kế	TCVN 11419:2016
2.	Màng phản quang dùng cho báo hiệu đường bộ	TCVN 7887-2018
3.	Quy hoạch cây xanh sử dụng công cộng trong các đô thị - Tiêu chuẩn thiết kế	TCVN 9257:2012
4.	Chiếu sáng nhân tạo bên ngoài các công trình công cộng và kỹ thuật hạ tầng đô thị - Tiêu chuẩn	TCVN 13608:2023

TT	Tên tiêu chuẩn, quy chuẩn	Mã hiệu
5.	Chống sét cho công trình xây dựng - Hướng dẫn thiết kế, kiểm tra, bảo trì hệ thống	TCVN 9385:2012
6.	Kết cấu gạch đá và gạch đá cốt thép - Tiêu chuẩn thiết kế	TCVN 5573:2025
7.	Kết cấu xây dựng và nền - Nguyên tắc cơ bản về tính toán	TCVN 9379:2012
8.	Phương tiện phòng cháy và chữa cháy cho nhà và công trình - Trang bị, bố trí, kiểm tra, bảo dưỡng	TCVN 3890:2023
9.	Phòng cháy và chữa cháy cho nhà và công trình - Yêu cầu thiết kế	TCVN 2622:1995
10.	Cấp nước - Mạng lưới đường ống và công trình - Tiêu chuẩn thiết kế	TCVN 13606:2023
11.	Thiết bị chữa cháy, Đầu nối	TCVN 5739:2023
12.	Thiết bị chữa cháy - Trụ nước chữa cháy - Yêu cầu kỹ thuật	TCVN 6379:2024
13.	Hệ thống lắp đặt điện hạ áp	TCVN 7447:2015
14.	Ruột dẫn của cáp cách điện	TCVN 6612:2007 (IEC 60228 :2004)
15.	Cáp điện có cách điện dạng đùn và phụ kiện cáp điện dùng cho điện áp danh định từ 1kV ($U_m=1,2V$) đến 30kV ($U_m=36kV$) - Phần I: Cáp dùng cho điện áp danh định bằng 1kV ($U_m=1,2V$) đến 3kV ($U_m=3,6kV$)	TCVN 5935-1:2013 (IEC 60502-1:2009)
16.	Phương pháp thử nghiệm chung đối với vật liệu cách điện và vật liệu làm vỏ bọc của cáp điện và cáp quang	TCVN 6614-1-3:2008
17.	Cáp điện lực đi ngầm trong đất - Phương pháp lắp đặt	TCVN 7997:2009
18.	Bulông, vít, vít cấy và đai ốc - Yêu cầu kỹ thuật	TCVN 1916:1995
19.	Đèn điện - Phần 1: Yêu cầu chung và các thử nghiệm đèn điện	TCVN 7722-1:2017
20.	Đèn điện - Phần 2: Yêu cầu cụ thể - Mục 3: Đèn điện dùng cho chiếu sáng đường phố	TCVN 7722-2-3:2019
21.	Tính năng đèn điện - Phần 1: Yêu cầu chung	TCVN 10885-1-2015
22.	Tính năng đèn điện - Phần 2-1: Yêu cầu cụ thể đối với đèn điện Led	TCVN 10885-2-1:2015
23.	Cống, bể, hầm, hố, rãnh kỹ thuật và tủ đấu cáp viễn thông. Yêu cầu kỹ thuật	TCVN 8700:2011
24.	Mạng viễn thông - Ống nhựa dùng cho tuyến cáp ngầm - Yêu cầu kỹ thuật	TCVN 8699:2011

III. Tiêu chuẩn áp dụng cho công tác thi công, nghiệm thu và bảo trì công trình:

Stt	Tên tiêu chuẩn, quy chuẩn	Mã hiệu
1.	Quy trình lập thiết kế tổ chức xây dựng và thiết kế thi công	TCVN 4252:2012
2.	Tổ chức thi công	TCVN 4055:2012
3.	Thi công cầu đường bộ (Phần 1÷20)	TCVN 12885:2020
4.	Cầu và Cống - Tiêu chuẩn thi công và nghiệm thu	TCCS 05:2012/TCĐBVN
5.	Ống và cống thoát nước - Thi công, thử nghiệm	TCVN 13573:2022
6.	An toàn thi công cầu	TCVN 8774:2012
7.	Nền đường ô tô - Thi công và nghiệm thu	TCVN 9436:2012
8.	Công tác đất - Thi công và nghiệm thu	TCVN 4447:2012
9.	Đất xây dựng - Phương pháp xác định mô đun biến dạng tại hiện trường bằng tấm nén phẳng	TCVN 9354:2012
10.	Vải địa kỹ thuật - Phương pháp thử (Phần 1÷6)	TCVN 8871:2011
11.	Phương pháp xác định chỉ số CBR của nền đất và các lớp móng đường bằng vật liệu rời tại hiện trường	TCVN 8821:2011
12.	Xác định độ chặt của đất tại hiện trường bằng phương pháp dao dai	TCVN 12791:2020
13.	Cát nghiền cho bê tông và vữa	TCVN 9205:2012
14.	Cát mịn cho bê tông và vữa	TCVN 10796:2015
15.	Nước trộn bê tông và vữa - Yêu cầu kỹ thuật	TCVN 4506:2012
16.	Chỉ dẫn kỹ thuật chọn thành phần bê tông sử dụng cát nghiền	TCVN 9382:2012
17.	Bê tông cốt thép - Phương pháp điện thế kiểm tra khả năng cốt thép bị ăn mòn	TCVN 9348:2012
18.	Bê tông - Kiểm tra đánh giá cường độ chịu nén	TCVN 10303:2014
19.	Bê tông - Phương pháp xác định cường độ bê tông trên mẫu lấy từ kết cấu	TCVN 12252:2020
20.	Hỗn hợp bê tông và bê tông - Lấy mẫu, chế tạo và bảo dưỡng mẫu thử	TCVN 3105:2022
21.	Hỗn hợp bê tông - Phương pháp xác định độ sụt	TCVN 3106:2022
22.	Bê tông - Phương pháp siêu âm xác định cường độ chịu nén	TCVN 13536:2022
23.	Bê tông - Yêu cầu bảo dưỡng ẩm tự nhiên	TCVN 8828:2011
24.	Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép - Hướng dẫn công tác bảo trì	TCVN 9343:2012
25.	Cấu kiện bê tông và bê tông cốt thép đúc sẵn - Phương pháp thí nghiệm gia tải để đánh giá độ bền, độ cứng và khả năng chống nứt	TCVN 9347:2012

Stt	Tên tiêu chuẩn, quy chuẩn	Mã hiệu
26.	Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép lắp ghép - Thi công và nghiệm thu	TCVN 9115:2019
27.	Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép - Hướng dẫn kỹ thuật phòng chống nứt	TCVN 9345:2012
28.	Sản phẩm bó vỉa bê tông đúc sẵn	TCVN 10797:2015
29.	Lớp móng cấp phối đá dăm trong kết cấu áo đường ô tô - Vật liệu, thi công và nghiệm thu	TCVN 8859:2023
30.	Hỗn hợp bê tông nhựa nóng - Thiết kế theo phương pháp Marshall.	TCVN 8820:2011
31.	Hỗn hợp nhựa - Phương pháp thử vật hần bánh xe.	TCVN 13899:2023
32.	Băng chắn nước dùng trong mỗi nối công trình xây dựng - Yêu cầu sử dụng	TCVN 9384:2012
33.	Đóng và ép cọc - Tiêu chuẩn thi công và nghiệm thu	TCVN 9394:2012
34.	Cọc khoan nhồi - Thi công và nghiệm thu	TCVN 9395:2012
35.	Khe co giãn chèn Asphalt - Yêu cầu kỹ thuật và thi công	TCCS 25:2019/TCĐBVN
36.	Màng phản quang dùng cho biển báo hiệu đường bộ	TCVN 7887:2018
37.	Đánh giá tải trọng khai thác cầu đường bộ	TCVN 12882:2020

Và các Quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành khác có liên quan.

